

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” do Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam) làm Chủ đầu tư tại xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam))

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm, đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” họp ngày 07/01/2022 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 202210/ĐTM ngày 20/10/2022 của Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam);

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 49/TTr-BQL ngày 28/10/2022 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” do Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam) làm Chủ đầu tư tại xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam) làm Chủ đầu tư tại xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam)) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBND thị trấn Tân Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Công ty TNHH Freewell (Việt Nam);
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-15KKT_{31/10}).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” do Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam) làm Chủ đầu tư tại xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam))
(Kèm theo Quyết định số: 2057 /QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm, đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam)).

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Jiawei (Việt Nam).

Địa chỉ liên hệ: Xưởng H, I, J (thuộc lô G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án “Sản xuất và gia công đế giày, dép với quy mô: đế trong 9.900.000 đôi/năm, đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm” được thực hiện tại xưởng H, I, J (thuộc lo G1 đến G10), KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với diện tích của 03 xưởng là 14.600 m² và một số công trình dùng chung với Công ty TNHH Freewell (Việt Nam), cụ thể:

+ Xưởng: Xưởng H (diện tích 5.000 m²); xưởng I (diện tích 4.800 m²); xưởng J (diện tích 4.800 m²).

+ Công trình bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải; hệ thống xử lý bụi; hệ thống xử lý hơi dung môi; nhà thu hồi phế liệu; kho chứa chất thải rắn sinh hoạt; kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường; kho chứa chất thải nguy hại.

+ Các công trình dùng chung với Công ty TNHH Freewell (Việt Nam): Khối nhà văn phòng; nhà trạm xá, nhà nghỉ giữa ca; nhà ăn, nhà xe; nhà vệ sinh và một số công trình khác.

- Công suất của dự án: Sản xuất và gia công: đế trong 9.900.000 đôi/năm; đế ngoài 12.100.000 đôi/năm; miếng đệm giày 4.950.000 đôi/năm và tấm EVA 34.100 đôi/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình sản xuất, gia công đế trong: Nguyên vật liệu → Trộn liệu → Cán liệu → Tạo hạt → Pha phao nhỏ → Gia công, mài đế → Ép đế → Cắt biên → Kiểm tra chất lượng, đóng bao thành phẩm.

- Quy trình sản xuất, gia công đế ngoài: Nguyên vật liệu → Kiểm tra chất lượng → Cân, pha trộn → Lưu hóa → Cán, cắt → Ép đế → Kiểm tra, sắp bộ đế giày thành phẩm.

- Quy trình sản xuất, gia công miếng đệm giày: Nguyên liệu → Lạng mỏng → Dán lớp vải → Ép nhiệt, hầm sấy và ép lạnh → Cắt tạo hình → In logo → Thành phẩm → Lưu kho, xuất bán.

- Quy trình sản xuất, gia công tấm EVA: Nguyên liệu → Cân chỉnh nguyên liệu → Trộn → Cán mỏng → Tạo bọt → Cắt vành → Thành phẩm → Lưu kho, xuất bán hoặc chuyển qua bộ phận làm miếng lót.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị; khí thải từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất (bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu, cắt tạo hình miếng lót, mài đế giày; khí thải từ lò hơi; hơi dung môi từ quá trình in logo, dán keo...); nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, sunfua, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng 106,5 m³/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, sunfua, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms...

Nước thải sản xuất: Lưu lượng khoảng 214,5 m³/ngày. Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD, các kim loại nặng...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị:* Thành phần bao gồm: Bụi, NO_x, CO, HC...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động cơ khí:* Thành phần bao gồm: Bụi, khói hàn...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần bao gồm: Bụi, NO_x, CO, HC...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất:* Phát sinh chủ yếu ở các công đoạn: Trộn nguyên liệu, cắt tạo hình miếng lót, mài đế giày; khí thải từ lò hơi; hơi dung môi từ quá trình in logo, dán keo... Thành phần chủ yếu là: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị:* Phát sinh khoảng 1,6 tấn/tháng, chủ yếu là: Bao bì, ni lông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 18 kg/ngày, thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Phát sinh khoảng 2.460 kg/ngày, gồm: Bao bì phế liệu nhựa, nylon, carton, vải vụn, cao su vụn, bụi từ hệ thống xử lý bụi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 1.278 kg/ngày, thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, xương, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

Phát sinh khoảng 12-14 kg/tháng, gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Phát sinh khoảng 1.303,1 kg/tháng, gồm: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì mềm thải; pin, ắc quy thải; mực in thải có chứa thành phần nguy hại; chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; than hoạt tính thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và đưa về bể tự hoại hiện hữu của nhà máy, sau đó được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.350 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam) để xử lý trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải:* Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại) và nước thải sản xuất được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.350 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Freewell (Việt Nam) để xử lý với quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Mương lọc rác SR2 → Bể gom V105 (1); Nước thải sản xuất → Mương lọc rác SR1 → Bể gom V101 → Bể keo tụ V102 → Bể tạo bông V103 → Bể lắng 1 V104 (2). (1) và (2) → Cụm bể thiếu khí và hiếu khí V107 → Bể lắng 2 V108 → Bể khử trùng V109 → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện vận chuyển:* Bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị; thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện, máy móc trong toàn bộ thời gian thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ các hoạt động cơ khí (cắt, hàn, xì kim loại, ...):* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; lên kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế việc sử dụng đồng thời cùng lúc nhiều máy móc thi công; sử dụng các máy móc thi công đã được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động,

05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Nhựa hóa toàn bộ khu vực khuôn viên nhà máy; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu; vệ sinh sân bãi và đường nội bộ hằng ngày; kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ khu vực trộn nguyên liệu và khu vực cắt miếng lót:* Sử dụng các biện pháp thông gió tự nhiên; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp làm việc tại khu vực này như: Khẩu trang hoạt tính, găng tay, quần áo tay dài, kính bảo vệ...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình mài đế giày:*

+ Đối với khu vực mài đế giày thô, bụi phát sinh được thu gom và xử lý với quy trình: Bụi → Chụp hút → Cyclone → Ống thoát.

+ Đối với khu vực mài đế giày tinh, bụi phát sinh được thu gom và xử lý với quy trình: Bụi → Chụp hút → Lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải lò hơi:* Khí thải lò hơi được thu gom và xử lý với quy trình: Khí thải → Tháp hấp thụ → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu hơi dung môi:* Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi phát sinh từ quá trình sản xuất (in logo, dán keo) với quy trình: Hơi dung môi → Chụp hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (kp = 0,8; kv = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, sau đó tập kết vào kho chứa chất thải rắn

sinh hoạt hiện hữu, diện tích khoảng 7 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu với diện tích khoảng 138 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, sau đó tập kết vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu, diện tích khoảng 7 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu với diện tích khoảng 138 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải nguy hại*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 05 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải nguy hại*: Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 05 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Quy định thời gian thi công và kiểm soát mức ồn, rung từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công; kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; lựa chọn máy móc, thiết bị có mức ồn, rung thấp và lắp đặt các thiết bị giảm ồn, rung cho các thiết bị, máy móc có mức ồn cao; trang bị nút chống ồn cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Trang bị hệ thống điều hoà, làm mát không khí; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; trang bị nút chống ồn cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Trang bị hệ thống điều hoà, làm mát không khí; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ

Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại (06 bể, tổng thể tích 192 m³).
- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 1.350 m³/ngày đêm (do Công ty TNHH Freewell (Việt Nam) chịu trách nhiệm quản lý, xử lý).
- Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ khu vực mài để giày thô (số lượng: 3 hệ thống. Công suất thiết kế quạt hút: 02 hệ thống có công suất quạt hút: 30.000 m³/giờ/hệ thống; 01 hệ thống có công suất quạt hút 6.000 m³/giờ).
- Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ khu vực mài để giày tinh (số lượng: 2 hệ thống. Công suất thiết kế quạt hút: 01 hệ thống có công suất quạt hút: 82.000 m³/giờ; 01 hệ thống có công suất quạt hút 30.000 m³/giờ).
- Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi (số lượng: 1 hệ thống, công suất thiết kế quạt hút: 82.000 m³/giờ).
- Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế quạt hút: 26.000 m³/giờ).
- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích khoảng 07 m².
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích khoảng 138 m².
- Kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích khoảng 05 m².
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí (nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3).
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, CO, SO₂.
- *Tần suất giám sát:* 1 lần trong suốt quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát nước thải:

Công ty TNHH Freewell (Việt Nam) chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát, quan trắc nước thải theo đúng quy định.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Chủ dự án có trách nhiệm vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát khí thải lò hơi:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, NO_x, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 0,8; kv = 1,0).

5.3.2. Giám sát bụi sau hệ thống xử lý bụi:

- *Vị trí giám sát:* 05 vị trí tại ống thoát của 05 hệ thống xử lý bụi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (kp = 0,8; kv = 1,0).

5.3.3. Giám sát hơi dung môi:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, MEK, toluen, cyclohexanol, ethyl acetate.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 20:2009/BTNMT.

5.3.4. Giám sát nước thải:

Công ty TNHH Freewell (Việt Nam) chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát, quan trắc nước thải theo đúng quy định.

5.3.5. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí tại 03 nhà xưởng (H, I, J).



- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO_x, toluen, MEK, ethyl acetate.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.3.6. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các thủ tục về môi trường và nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.